

Bản án số: 68/2022/DS-ST

Ngày: 29 - 3 - 2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thanh Tùng

2. Ông Trần Thanh Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Hồng Đào – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Nhân – Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 320/2020/TLST-DS, ngày 01 tháng 12 năm 2012, về tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 2 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2022/QĐST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Liên Tân T; sinh năm 1994;

Địa chỉ: Số 128/6 đường N, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Yên T; sinh năm 1959; Địa chỉ: Số 131 L3 đường N, Phường H, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Giấy ủy quyền số công chứng 00010420 ngày 07/10/2020)

2. Bị đơn: 1/ Ông Dưa Ngọc L; sinh năm 1970;

2/ Bà Lê Thị N; sinh năm 1968;

Cùng địa chỉ: Số 104/33 đường M, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Liên Tân T trình bày:

Ông T và vợ chồng ông Dưa Ngọc L, bà Lê Thị N hàng xóm quen biết với nhau đã từ lâu. Do ông L, bà N cần tiền để kinh doanh nên có vay của ông Liên Tân T số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), với thời hạn vay là 02 (hai) năm kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận (trên thực tế không tính lãi suất). Hai bên có lập Hợp đồng vay tiền số công chứng 006931 ngày 27/7/2015 tại Văn phòng công chứng Thịnh Vượng. Sau khi ký hợp đồng ông T đã giao đủ số tiền 300.000.000 đồng cho ông L và bà N tại Văn phòng công chứng, nhưng do tin tưởng nhau và không hiểu biết pháp luật nên ông T không làm giấy giao nhận tiền. Từ khi vay tiền đến nay ông L và bà N không trả tiền vốn cho ông T như thỏa thuận mặc dù ông T đã nhiều lần liên hệ yêu cầu thanh toán nhưng bị đơn hứa chờ bán nhà trả tiền nhưng vẫn lần lữa không trả. Hiện bà Lê Thị N không còn cư trú tại địa phương, bỏ đi đâu không rõ mà không thông báo địa chỉ cư trú mới cho phía nguyên đơn.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ông Liên Tân T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Dưa Ngọc L, bà Lê Thị N có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ vốn là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất. Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông T xác nhận số tiền mà ông cho ông Dưa Ngọc L, bà Lê Thị N vay là tài sản riêng của ông T không liên quan đến người khác nên đề nghị Tòa án không triệu tập bà Huỳnh Ngọc T (vợ ông T) vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Ông T chỉ yêu cầu ông L và bà N có trách nhiệm liên đới thực hiện trả nợ mà không yêu cầu ai khác liên đới cùng bị đơn trả nợ nên đề nghị Tòa án không triệu tập thêm người tham gia tố tụng nào khác.

Tại “Văn bản phản ánh ý kiến” đề ngày 11/12/2020, bị đơn ông Dưa Ngọc L trình bày: “Tôi và bà Lê Thị N đã ly thân từ năm 2017, sống riêng, không còn liên hệ với nhau. Tôi không biết bà N đã vay của ông Liên Tân T số tiền 300.000.000 đồng, bản thân tôi không biết ông T. Năm 2017 tôi có ký ủy quyền tại Phòng Công chứng Thịnh Vượng, đường Nguyễn Văn Cửa, Phường 13, Quận 8, tôi đồng ý cho bà N bán căn nhà tại ấp 4, xã H, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh để bà N trả nợ (không biết trả cho ai), tôi hoàn toàn không biết, không ký tên trong hợp đồng vay tiền ngày 27/7/2015 bà N vay tiền 300.000.000 đồng của ông T hoặc của ai khác nữa tôi không biết. Vì giữa tôi và bà N có đăng ký kết hôn nhưng chỉ ly thân 4 năm nay, không hiểu biết nên chưa ra Tòa án ly hôn, cũng không gặp mặt nhau 4 năm nay luôn nên hôm nay bị Tòa mời tôi rất bất ngờ và bức xúc. Nay tôi làm đơn này báo cho quý Tòa, tôi đã để tài sản là căn nhà tại ấp 4, xã H, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh để bà N trả nợ. Bà N gây nợ vì bà N cờ bạc, đánh đề... nên chúng tôi lục đục, ly thân, 2 con theo tôi, không theo mẹ thì biết bà N tệ bạc như thế nào mà con không theo mẹ vì không có nơi để ở để Tòa án có cơ sở giải quyết vụ án”.

Bị đơn bà Lê Thị N đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không thu thập được lời khai, không T hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật; Bị đơn không thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh: “Đ/s Dưa Ngọc L, sinh năm 1970, Hộ khẩu thường trú: Số 104/33 đường M, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện thực tế cư trú tại địa phương. Đương sự Lê Thị N, sinh năm 1968, Hộ khẩu thường trú: Số 104/33 đường M, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện vắng mặt tại địa phương từ năm 2016, đi đâu không rõ”. Đại diện nguyên đơn cũng xác định hiện bà N đã bỏ đi đâu không rõ mà không thông báo địa chỉ cư trú mới cho nguyên đơn. Do đó, Tòa án xác định địa chỉ Số 104/33 đường M, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là địa chỉ cư trú cuối cùng của bà Lê Thị N theo quy định tại Khoản 3 Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại Khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ tố tụng Dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp lại đơn khởi kiện lại vụ án.

Ông Dưa Ngọc L, bà Lê Thị N đã được Tòa án đã tổng đạt về thời gian tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và không T hành hòa giải được theo Điều 207, Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án cũng đã tổng đạt cho ông L và bà N về thời gian tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Phía nguyên đơn cũng từ chối tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về thời gian mở phiên tòa xét xử vụ án theo yêu cầu của Tòa án và đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết theo quy định. Đồng thời, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Tại bản tự khai đề ngày 14/01/2022 bà Huỳnh Ngọc T cam kết số tiền mà ông Liên Tân T cho ông Dưa Ngọc L, bà Lê Thị N vay là số tiền riêng của chồng, không liên quan gì đến bà, bà cũng không có ý kiến gì về việc tranh chấp của ông

T với ông L, bà N . Bà xin vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án. Như vậy, lời khai của bà Thanh là phù hợp với lời trình bày của ông T về việc ông T xác nhận số tiền mà ông cho ông Dưa Ngọc L, bà Lê Thị N vay là tài sản riêng của ông T không liên quan đến người khác. Đồng thời, ông chỉ yêu cầu ông L và bà N có trách nhiệm liên đới thực hiện trả nợ mà không yêu cầu ai khác liên đới cùng bị đơn trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án không triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Do đó, Tòa án không xác định thêm người tham gia tố tụng nào khác.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét thấy, đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, do bị đơn cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại Khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về áp dụng pháp luật dân sự: Căn cứ Hợp đồng đồng vay tiền số công chứng: 006931, quyền số 04/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/7/2015 tại Văn phòng Công chứng V, Thành phố Hồ Chí Minh được xác lập trước ngày 01/01/2017 nhưng có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên áp dụng quy định của Bộ luật này để giải quyết theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4]. Về các yêu cầu của đương sự: Ông Liên Tân T yêu cầu Tòa án buộc ông Dưa Ngọc L, bà Lê Thị N có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ vốn là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất. Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét, Hợp đồng đồng vay tiền số công chứng: 006931, quyền số 04/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/7/2015 do hai bên xác lập hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội tại Văn phòng Công chứng V, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T cho rằng sau khi ký hợp đồng ông T đã giao đủ số tiền 300.000.000 đồng cho ông L và bà N tại Văn phòng công chứng, nhưng do tin tưởng nhau và không hiểu biết pháp luật nên ông T không làm giấy giao nhận tiền. Tại “Văn bản phản ánh ý kiến” đề ngày 11/12/2020 ông L không thừa nhận việc ông có vay số tiền 300.000.000 đồng của ông T. Tuy nhiên, Tòa án đã tổng đạt Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 320/2021/QĐ-CC TLCC ngày 29/12/2021 yêu cầu ông L cung cấp địa chỉ hiện đang thực tế cư trú của bà N và chứng cứ chứng minh ông Dưa Ngọc L không vay số tiền là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) của ông Liên Tân T; Không ký tên, lấn tay vào Hợp đồng vay tiền số công chứng 006931 ngày 27/7/2015 tại Văn phòng công chứng Thịnh Vượng mà ký giấy ủy quyền nhưng ông L không cung cấp cho Tòa án. Đồng thời, từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến nay phía ông L, bà N cũng không có thiện chí đến Tòa để giải quyết vụ án, không có thiện chí thanh toán số tiền đã vay cho nguyên đơn mà bà N còn bỏ đi khỏi nơi cư trú, không thông báo địa chỉ mới cho nguyên đơn, cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu ông Dưa Ngọc L, bà Lê Thị N có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ vốn là 300.000.000đ (ba trăm

triệu đồng) là có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại các Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5]. Ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 469 và điểm b Khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 192, Điều 207, Điều 208, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại Khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ tố tụng Dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp lại đơn khởi kiện lại vụ án;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Liên Tân T.

Buộc ông Dua Ngọc L, bà Lê Thị N có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ vốn là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) cho ông Liên Tân T. Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều

357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Dưa Ngọc L, bà Lê Thị N phải chịu số tiền án phí là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

Ông Liên Tân T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho ông Liên Tân T số tiền là 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/ 0044619 ngày 26/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Tiến

